

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN YÊN MỸ
TỈNH HƯNG YÊN**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 07 /2023 /HS-ST
Ngày 16 - 02 - 2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN MỸ, TỈNH HƯNG YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Xuân Quỳnh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Thanh và ông Vũ Minh Đón.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huệ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Thơ - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 02 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 03/2023/TLST-HS ngày 13 tháng 01 năm 2023; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2023/QĐXXST-HS ngày 02 tháng 02 năm 2023 đối với:

1/ Các bị cáo:

1.1 Họ và tên: **Bùi Văn D**, sinh năm 1985. Sinh trú quán: Thôn 1, xã Q, thành phố H, tỉnh Hưng Yên. Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Không. Nghề nghiệp: Lao động tự do. Chức vụ trước khi phạm tội: Không. Trình độ học vấn: 12/12. Họ tên bố: Bùi Văn D, sinh năm 1960. Họ tên mẹ: Nguyễn Thị H, sinh năm 1962. Gia đình có 02 anh em, bị cáo là con thứ hai. Vợ: Trần Thị Thu H, sinh năm 1990. Con: có 01 con, sinh năm 2010.

Tiền án: Ngày 24/08/2012, bị Tòa án nhân dân thành phố Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên xử phạt 07 năm 06 tháng tù về tội Mua bán trái phép chất ma túy. Chấp hành xong bản án ngày 24/01/2017; ngày 25/11/2019 bị Tòa án nhân dân thành phố Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “tái phạm” xử phạt 02 năm tù về tội “tàng trữ trái phép chất ma túy”. Chấp hành xong hình phạt n ngày 30/09/2021.

Tiền sự: Không. Nhân thân: Ngày 12/10/2005 bị Công an thị xã Hưng Yên (nay là Thành phố Hưng Yên), tỉnh Hưng Yên xử phạt 100.000đồng về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy; ngày 14/10/2019 bị Công an xã Quảng Châu, Thành phố Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên xử phạt 1.500.000đồng về hành vi trộm cắp tài sản;

Bị cáo D bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 17/10/2022, tại trại Tạm giam Công an tỉnh Hưng Yên, có mặt tại phiên tòa.

1.2 Họ và tên: **Trần Văn T**, sinh năm 1990. Sinh trú quán: Số 367 Điện Biên, phường Q, thành phố H, tỉnh Hưng Yên. Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Không. Nghề nghiệp: Lao động tự do. Chức vụ trước khi phạm tội: Không. Trình độ học vấn: 12/12. Họ tên bố: Trần Văn B, sinh năm 1958. Họ tên mẹ: Hoàng Thị Th, sinh năm 1962. Gia đình có 04 anh em, bị cáo là con thứ tư. Vợ, con: Chưa có.

Tiền án: Ngày 25/07 / 2013, bị Tòa án nhân dân Thành phố Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên, xử phạt 04 năm 03 tháng tù về các tội Cướp giật tài sản và Trộm cắp tài sản. Chấp hành xong bản án ngày 16/04/2016; ngày 26/12/2016 bị Tòa án nhân dân Thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự ‘tái phạm’ xử phạt 18 tháng tù về tội Cướp giật tài sản. Chấp hành xong bản án ngày 24/01/2018; ngày 18/09/2019 bị Tòa án nhân dân thành phố Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên xử phạt 02 năm tù về tội Trộm cắp tài sản. Chấp hành xong bản án ngày 30/01/2021.

Tiền sự: Không. Nhân thân: Ngày 16/12/2008 bị Tòa án nhân dân thị xã Hưng Yên (nay là Thành phố Hưng Yên), tỉnh Hưng Yên xử phạt 01 năm tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 02 năm về tội Cường đoạt tài sản.

Bị cáo T bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 17/10/2022 tại trại tạm giam Công an tỉnh Hưng Yên, có mặt tại phiên tòa.

2/ Bị hại: Chị Đỗ Thị Phương H, sinh năm 1995 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn Tr, thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Hưng Yên.

3/ Người làm chứng: Anh Đỗ Văn C, sinh năm 1986 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn Tr, thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Hưng Yên.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Với mục đích trộm cắp tài sản, khoảng 18 giờ 30 ngày 16/10/2022 Bùi Văn D điều khiển xe mô tô BKS 89K4 – 3867 chở Trần Văn T đi theo đường QL39A từ thành phố Hưng Yên đến huyện Yên Mỹ, tìm sơ hở của mọi người để trộm cắp, đến khoảng 20 giờ 50 phút, cả hai đi qua nhà chị Đỗ Thị Phương H ở thôn Tr, thị trấn Y, huyện Y, T phát hiện cửa nhà mở, quan sát không thấy có người, nên T bảo D dừng lại, D quay xe và đi

chậm, T nhảy xuống đi vào nhà chị H phát hiện bàn uống nước ở phòng khách có 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone X màu trắng và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 màu bạc, T lấy hai điện thoại trên chạy ra chỗ D đang đợi, khi chạy ra khỏi cửa nhà thì chị H phát hiện truy hô và lao vào túm tay phải T, nên điện thoại Iphone 6 rơi xuống đường làm mặt kính rạn nứt, T cầm điện thoại Iphone X bỏ chạy về hướng đường ĐH 40 thì bị anh Đỗ Văn C đuổi theo bắt giữ, T vứt điện thoại trên tay xuống đường làm mặt kính bị rạn nứt, thấy T bị bắt giữ D điều khiển xe bỏ chạy. Công an thị trấn Y đến lập biên bản T giao nộp 01 điện thoại Nokia và 152.000đồng.

Ngày 17/10/2022 cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Yên Mỹ ra lệnh bắt giữ người trong trường hợp khẩn cấp đối với T và D, đồng thời khám xét chỗ ở của T không thu giữ gì, D tự giao nộp xe mô tô biển số 89K4 – 3867.

Tại kết luận định giá tài sản số 40 ngày 17/10/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Yên Mỹ kết luận: 01 chiếc điện thoại di động Iphone 6 trị giá 1.100.000đồng; 01 chiếc điện thoại di động Iphone X trị giá 6.500.000 đồng.

Tại kết luận định giá tài sản số 42 ngày 25/10/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Yên Mỹ kết luận: thiệt hại chiếc điện thoại di động Iphone 6 là 250.000đồng; thiệt hại chiếc điện thoại di động Iphone X là 700.000 đồng.

Quá trình điều tra cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Yên Mỹ đã trả lại chị Đỗ Thị Phương H hai chiếc điện thoại trên, chị Hà không yêu cầu hai bị cáo phải bồi thường thiệt hại. Hai bị cáo T và D thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình.

Bản cáo trạng số 08/CT-VKS-YM ngày 12/01/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Mỹ truy tố bị cáo Trần Văn T và Bùi Văn D về tội Trộm cắp tài sản theo điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa:

Bị cáo Trần Văn T và Bùi Văn D khai nhận, cả hai đều là người nghiện ma túy, mục đích đi trộm cắp tài sản để bán lấy tiền phục vụ việc nghiện hút, hai bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Mỹ giữ nguyên quan điểm như nội dung bản cáo trạng đã truy tố. Sau khi phân tích, đánh giá các chứng cứ, tài liệu trong hồ sơ vụ án, lời khai của bị cáo tại phiên tòa, tính chất mức độ của hành vi phạm tội, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của hai bị cáo, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử, tuyên bố bị cáo Trần Văn T và Bùi Văn D phạm tội Trộm cắp tài sản. Đề nghị áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17; 38 Bộ luật hình sự, đề nghị xử phạt hai bị cáo T và D mỗi bị cáo từ 03 năm đến 03 năm 06 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 17/10/2022. Miễn áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với các bị cáo. Về trách nhiệm dân sự không giải quyết. Về vật

chứng đề nghị áp dụng điểm a khoản 1 Điều 46; Khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; Khoản 1, 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự. Tịch thu sung ngân sách nhà nước xe mô tô biển số 89K4 – 3867. Hoàn trả bị cáo Bùi Văn D 01 điện thoại nhãn hiệu Nokia, hoàn trả bị cáo Trần Văn T số tiền 152.000đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] *Về tố tụng:* tại phiên tòa vắng mặt người bị hại và người làm chứng, các bị cáo và đại diện Viện kiểm sát cùng có ý kiến, quan điểm đề nghị HĐXX tiếp tục xét xử vụ án, HĐXX xét thấy người bị hại và người làm chứng đều đã có lời khai tại cơ quan điều tra, người bị hại đã nhận lại hai chiếc điện thoại, không yêu cầu hai bị cáo phải bồi thường gì, do vậy việc vắng mặt của người bị hại và người làm chứng, không ảnh hưởng đến kết quả xét xử vụ án, nên HĐXX căn cứ Điều Điều 292, 293 Bộ luật tố tụng hình sự, xét xử vắng mặt bị hại và người làm chứng.

[2] *Về hành vi, quyết định tố tụng:* Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Yên Mỹ, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Mỹ, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[3] *Về hành vi phạm tội của các bị cáo:* Tại phiên tòa hai bị cáo Trần Văn T và Bùi Văn D thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội. Lời khai nhận của các bị cáo phù hợp với bản tự khai, biên bản hỏi cung các bị can tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người bị hại, người làm chứng, kết luận định giá và phù hợp với các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, nên HĐXX có đủ căn cứ kết luận khoảng 20 giờ 50 phút, Trần Văn T đã vào nhà chị Đỗ Thị Phương H lén lút lấy 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone X màu trắng trị giá 6.500.000đồng và 01 điện thoại Iphone 6 màu bạc trị giá 1.100.000đồng của chị H để trên bàn uống nước ở phòng khách, tổng giá trị hai điện thoại là 7.600.000đồng, nên hành vi của Trần Văn T đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo Điều 173 Bộ luật hình sự, bị cáo T và D cùng rủ nhau đi trộm cắp tài sản, D chở T bằng xe mô tô của D, nên bị cáo D là đồng phạm với bị cáo T và cùng phải chịu trách nhiệm về hành vi trộm cắp của bị cáo T. Hai bị cáo phạm tội khi đã có tiền án là tái phạm, do vậy lần phạm tội này của hai bị cáo thuộc trường hợp “Tái phạm nguy hiểm” nên hai bị cáo cùng phải chịu trách nhiệm hình sự theo điểm g khoản 2 Điều 173

Bộ luật hình sự. Do vậy cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Mỹ truy tố hai bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng điều luật.

[4] *Về tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội*: Hành vi phạm tội của hai bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của cá nhân được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an nông thôn, gây bất bình trong quần chúng nhân dân, nên phải xử lý nghiêm minh đối với hai bị cáo.

[5] *Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự*: Hai bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa hai bị cáo đều thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình, nên hai bị cáo đều được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[6] *Về hình phạt*:

[6.1] Hình phạt chính: Hai bị cáo đã nhiều lần bị xét xử trong thời gian dài, nhưng không lấy đó làm bài học, không tự rèn luyện bản thân để làm công dân tốt, có ích cho gia đình và xã hội, ngược lại các bị cáo phạm tội với tính chất tái phạm nguy hiểm, đều là đối tượng nghiện ma túy. Điều này thể hiện hai bị cáo là người coi thường pháp luật, nên cần áp dụng hình phạt nghiêm khắc, cách ly hai bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để cơ quan chức năng tiếp tục cải tạo, giáo dục thì mới đủ điều kiện răn đe, giáo dục hai bị cáo.

[6.2] Hình phạt bổ sung: Hai bị cáo không có công ăn việc làm và thu nhập ổn định, không có tài sản tích lũy nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với hai bị cáo.

[7] *Về vai trò của các bị cáo*: Hai bị cáo là đồng phạm với nhau, nhưng là đồng phạm giản đơn, hai bị cáo cùng rủ nhau đi trộm cắp tài sản, có vai trò ngang nhau.

[8] *Về xử lý vật chứng*:

Đối với xe mô tô biển số 89K4 – 3876 là tài sản của bị cáo Trần Văn T đã dùng để làm phương tiện đi trộm cắp, do vậy nay tịch thu sung ngân sách nhà nước.

Đối với 01 điện thoại Nokia của bị cáo D và số tiền 152.000 đồng của bị cáo T không dùng vào việc phạm tội, nay hoàn trả cho các bị cáo.

[09] *Về trách nhiệm dân sự*: Chị Đỗ Thị Phương H không yêu cầu hai bị cáo phải bồi thường thiệt hại, nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[10] *Về án phí*: Các bị cáo phải chịu án phí theo quy định tại Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1/ Căn cứ vào: Điểm g khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17; 38; 58 Bộ luật hình sự.

2/ Tuyên bố: Bị cáo Trần Văn T và Bùi Văn D phạm tội Trộm cắp tài sản.

3/ Xử phạt: Bị cáo Trần Văn T và Bùi Văn D mỗi bị cáo **03 (ba)** năm tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 17/10/2022.

4/ Về trách nhiệm dân sự: Không giải quyết.

5/ Về hình phạt bổ sung: Miễn áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với các bị cáo.

5/ Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 46; Khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; Khoản 1, 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Tịch thu sung ngân sách nhà nước xe mô tô biển số 89K4 – 3867.

Hoàn trả bị cáo Bùi Văn D 01 điện thoại nhãn hiệu Nokia, hoàn trả bị cáo Trần Văn T số tiền 152.000đồng (*một trăm năm mươi hai nghìn đồng*).

Tình trạng, đặc điểm vật chứng theo biên bản giao nhận giữa cơ quan điều tra Công an huyện Yên Mỹ và Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Yên Mỹ.

6/ Về án phí: Bị cáo Trần Văn T và Bùi Văn D mỗi bị cáo phải chịu 200.000đồng (*hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

7/ Quyền kháng cáo: Các bị cáo được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị hại được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản sao bản án, hoặc kể từ ngày niêm yết bản án theo Bộ luật tố tụng hình sự.

Nơi nhận:

- Phòng KTNV-TAND tỉnh;
- VKSND huyện Yên Mỹ;
- Công an huyện Yên Mỹ;
- Chi cục THA huyện Yên Mỹ;
- Trại tạm giam - CA tỉnh Hưng Yên;
- Bị cáo; bị hại.
- UBND xã Q; phường Q,
- TP H, tỉnh Hưng Yên.
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)
Ngô Xuân Quỳnh**